

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 52/2018/HS-PT

Ngày: 23 - 5 - 2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Năm.

*Các Thẩm phán:* Bà Trần Thị Bé.

Bà Phạm Thị Thu Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tuấn Phong – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Lương Thanh Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 54/2018/TLPT-HS ngày 27 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thành L và bị cáo Nguyễn Thành T do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HS-ST ngày 16/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

**1.Họ và tên:** Nguyễn Thành L, sinh ngày: 11/11/1997 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi ĐKNKTT: Tổ 8 phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Trương Thị Bích P; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/10/2017 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

**2.Họ và tên:** Nguyễn Thành T, sinh ngày: 01/01/2000 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ 8 phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Kim L; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/10/2017 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

**- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành T:** Ông Nguyễn Công T là Luật sư Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi theo Quyết định số 38/QĐ-TGPL ngày 16/4/2018 của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; có mặt tại phiên tòa.

**- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành L:** Ông Nguyễn Công T là Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Công T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi; có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng hơn 18 giờ 30 phút ngày 24/9/2017, Nguyễn Thành T đến nhà của bà ngoại ruột là Trương Thị Bích P chơi. Tại đây, T gặp Nguyễn Thành L là cậu ruột của T; vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên L nói với T nội dung “giờ khỏ quá, tao với mày đi kiếm điện thoại giật bán lấy tiền xoay sở”, T nói lại “giờ đi giật điện thoại cảm ứng mới có tiền chứ làm gì mà có tiền” thì L đồng ý. Sau đó, T xuống nhà bếp lấy 01 con dao thái lan đang để trong rổ đựng hành tỏi đưa cho L cất giấu dưới miếng lót gác chân xe mô tô nhãn hiệu ATILA, màu vàng, biển kiểm soát 76E1-326.25 (Xe của bà P thuê sử dụng) đang để ở sân. Sau đó, T điều khiển xe mô tô 76E1-326.25 chở L ngồi sau đi thẳng lên hướng C, huyện N theo đường tỉnh lộ 624 tìm người nào sơ hở giật điện thoại.

Khi T điều khiển xe mô tô chở L qua khỏi vòng xoay thị trấn C, huyện N được khoảng 500 mét thì T và L nhìn thấy chị Huỳnh Thị Kim T đang dừng xe máy, ngồi trên xe cùng con nhỏ, xem điện thoại ngay cổng chào văn hóa tổ dân phố P, thị trấn C để chờ đón con đi học về (lúc này tại nơi đây trời hơi tối, có ánh điện đèn mờ và vắng người qua lại). Nên L nói với T “có bà cầm điện thoại kia, quay lại đi”, T điều khiển xe mô tô quay lại chạy ngang qua nơi chị T đứng (theo đường TL624) một đoạn khoảng 50 mét để quan sát rồi tiếp tục quay lại đi về hướng chị T đang đứng. Khi T quay xe đi được một đoạn thì dừng lại, L xuống xe giả vờ đi vệ sinh để quan sát chị T, còn T ngồi trên xe dùng tay trái lấy con dao thái lan đang để dưới miếng lót gác chân. Sau một lúc quan sát, L quay lại ngồi lên xe thì T đưa con dao cho L cầm giấu sau cổ tay trái và T điều khiển xe mô tô chở L chạy đến chặn ngang trước đầu xe mô tô của chị T, L ngồi trên xe giả vờ hỏi nội dung “cô cho cháu hỏi nhà cô H giáo viên dạy anh văn ở đâu”, chị T hỏi lại “Cô H dạy trường nào”, L dùng tay chỉ về hướng trường THPT N và nói “Trường này nè cô”, chị T trả lời “Ở đây có cô S dạy anh văn chứ không có cô H” và chị T hỏi tiếp “Cô H ở chòm nào”, L dùng tay chỉ về phía chòm nhà đối diện trường H cũ và nói “Chòm này nè cô”, chị T nói “Mấy người ở cũ thì không có, em lên hỏi thử mấy người mới mua đất làm nhà có không”, L nói lại “Hỏi rồi mà họ không biết”, chị T nói “Vậy điện thoại hỏi người quen thử chứ ở đây không biết”. Lúc đó, chị T bước xuống xe và đứng tựa vào yên xe (đứng phía bên trái xe), Nguyễn Thành L cũng bước xuống xe giả vờ lấy điện thoại ra bấm để quan sát xung quanh, khi thấy không có người qua lại thì L cầm dao thái lan bên tay trái nhanh chóng áp sát, đứng đối diện với chị T (Bàn chân trái của L cách bàn chân phải của chị T 25cm) và chia mũi dao về phía vùng cổ chị T (Mũi dao cách cổ chị T 13 cm và cách ngực phải chị T 7 cm), vừa chia dao L vừa nói “Đụ mẹ mày đưa điện thoại đây không tao đâm”, L vừa nói vừa dùng tay phải móc lấy điện thoại di động trong túi quần bên trái của chị T, chị T dùng hai tay chộp giữ điện thoại lại (tay trái thò vào trong túi quần, tay phải bên ngoài) và hét hoảng kêu la “Cướp, cướp, trời ơi cướp” thì L nói “Đụ mẹ mày la lên tao giết mày bây giờ”. Lúc đó, chị T khiếp sợ đứng yên, đơ cứng người, L nhanh chóng rút tay đang cầm điện thoại trong túi quần chị T lấy điện thoại (lúc này, chị T sợ quá không còn phản ứng gì) rồi nhảy lên xe mô tô (T đã nổ máy chờ sẵn) bỏ chạy về hướng trường THPT N, rồi sau đó đi xuống đường kênh, theo tỉnh lộ 628 đến ngã ba chợ Tr thuộc xã N, huyện T và theo Quốc lộ 1A ra thành phố Q.

Đến thành phố Q, L điều khiển xe chở T đến tiệm cầm đồ Th ở đường Lê L, thành phố Q để cầm điện thoại nhưng tiệm cầm đồ đóng cửa nên L chở T về tiệm Internet ở cuối đường H, thành phố Q để Trung chơi game còn L điều khiển xe máy về nhà và lấy con dao thái lan để lại vào trong rổ đựng hành tỏi dưới bếp. Chiều ngày 25/9/2017, L điều khiển xe mô tô chở T đến cửa hàng điện thoại H ở số 130, đường N, thành phố Q. Tại đây, T và L vào cầm điện thoại di động trên được số tiền 900.000 đồng và cả hai sử dụng tiêu xài cá nhân. Sau đó, L và T điều khiển xe mô tô đến phòng trọ của Nguyễn Thanh H là em ruột của T hỏi H có mua điện thoại cầm ứng không, H nói bao nhiêu thì L nói 1.500.000 đồng và H đồng ý. Khoảng 4 ngày sau H đưa cho T số tiền 1.300.000 đồng (Vì H trừ tiền L nợ 200.000 đồng từ trước đó) để lấy điện thoại và T giao số tiền trên cho L. Nguyễn Thanh L sử dụng số tiền 1.000.000 đồng trả cho tiệm cầm đồ lấy lại điện thoại giao cho H, số tiền còn lại L và T sử dụng tiêu xài cá nhân.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HS-ST ngày 16/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành L và bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội: “*Cướp tài sản*”.

-Áp dụng: Điểm d Khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm n khoản 1 Điều 48; Điều 20 và Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 18/10/2017.

-Áp dụng: Điểm d Khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; khoản 1 Điều 74 và Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành T 05 (năm) 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 18/10/2017.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 21/3/2018, bị cáo Nguyễn Thành L và bị cáo Nguyễn Thành T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thành L và bị cáo Nguyễn Thành T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Tại phần kết luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Thành T. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2018/HSST ngày 16/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành L và bị cáo Nguyễn Thành T phát biểu: Các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Thành T nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo T khi phạm tội là người chưa thành niên; trong quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm các bị cáo đã thật thà khai báo; tại giai đoạn phúc thẩm người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo L bị bệnh lao phổi; hoàn

cảnh gia đình các bị cáo đặc biệt khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, các bị cáo.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét hành vi của bị cáo Nguyễn Thành L và bị cáo Nguyễn Thành T: Đêm ngày 24/9/2017, Nguyễn Thành L và Nguyễn Thành T rủ nhau đi giật điện thoại bán lấy tiền tiêu xài. T điều khiển xe mô tô chở L đi, khi đi L và T mang theo 01 con dao thái lan. Khi đi đến Cổng chào văn hóa Tổ dân phố P, thị trấn C, huyện N thấy chị Huỳnh Thị Kim T đang ngồi trên xe mô tô sử dụng điện thoại di động, thì L và T đến kề dao vào cổ chị T khống chế lấy chiếc điện thoại của chị T rồi chở nhau tẩu thoát. Hành vi của bị cáo L và bị cáo T sử dụng dao để khống chế, uy hiếp chiếm đoạt tài sản của chị Huỳnh Thị Kim T là thuộc trường hợp dùng phương tiện nguy hiểm để phạm tội. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thành L và bị cáo Nguyễn Thành T về tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành L và bị cáo Nguyễn Thành T, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tuy tại giai đoạn phúc thẩm người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 và đây là tình tiết mới được cấp phúc thẩm áp dụng cho các bị cáo. Nhưng xét hành vi của các bị cáo là táo bạo, xem thường pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, bị cáo Nguyễn Thành T 05 (năm) 03 (ba) tháng tù là không nặng. Nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Thành T không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng màu vàng, mặt trước và mặt sau điện thoại di động có in dòng chữ HUAWEI của chị Huỳnh Thị Kim T: Sau khi L và T chiếm đoạt điện thoại của chị T thì mang đến tiệm cầm đồ H ở số 130, đường N, thành phố Q cầm được với số tiền là 900.000 đồng (số tiền này L và T tiêu xài cá nhân). Sau đó, L hỏi Nguyễn Thanh H (em ruột của T) có mua điện thoại cảm ứng không thì anh H đồng ý và khoảng 04 ngày sau anh H đưa số tiền 1.300.000 đồng để lấy điện thoại; sau khi nhận tiền L lấy 1.000.000 đồng trả cho tiệm cầm đồ để lấy điện thoại đưa cho H, số tiền còn lại L và T tiêu xài cá nhân. Đối với Nguyễn Thanh H khi mua chiếc điện thoại của L thì H không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không xử lý hình sự đối với Nguyễn Thanh H là có căn cứ. Đối với chiếc điện thoại di động của chị T Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho chị T nhận, chị T không có yêu cầu gì khác. Lẽ ra số tiền 1.300.000 đồng bị cáo L và bị cáo T phải trả lại cho anh H, nhưng anh H không yêu cầu các bị cáo trả lại cho anh H và số tiền này không phải là tiền thu lợi bất chính. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: “*Anh H không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả lại cho anh số tiền mà anh đã mua chiếc điện thoại, đây là quyền quyết định của anh nên Hội đồng xét xử không xem xét*” nhưng lại

xác định số tiền 1.300.000 đồng là tiền thu lợi bất chính nên phần nhận định và quyết định buộc mỗi bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Thành T phải nộp 650.000 đồng tiền thu lợi bất chính để sung công quỹ nhà nước là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần này không buộc mỗi bị cáo L và T phải nộp 650.000 đồng tiền thu lợi bất chính để sung công quỹ nhà nước.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành L và bị cáo Nguyễn Thành T là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Bị cáo Nguyễn Thành L và bị cáo Nguyễn Thành T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì những lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành L và bị cáo Nguyễn Thành T. Giữ nguyên về phần hình phạt đối với bị cáo T và bị cáo L; Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HSST ngày 16/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi về tiền sung công quỹ nhà nước.

-Áp dụng: Điểm d Khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm n khoản 1 Điều 48; Điều 20 và Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 18/10/2017.

-Áp dụng: Điểm d Khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; khoản 1 Điều 74 và Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành T 05 (năm) 03 (ba) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 18/10/2017.

2. Bị cáo Nguyễn Thành L và bị cáo Nguyễn Thành T mỗi bị cáo không phải nộp 650.000 đồng tiền thu lợi bất chính để sung công quỹ nhà nước.

3. Bị cáo Nguyễn Thành L và bị cáo Nguyễn Thành T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, TAND huyện N;
- Công an huyện N;
- THA dân sự huyện N;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Năm**